

## NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

# SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT LỚP 5 DƯỚI GÓC NHÌN PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN ĐA PHƯƠNG THỨC: KHẢO SÁT 2 TẬP SÁCH TIẾNG VIỆT LỚP 5 - BỘ CÁNH DIỀU LƯU THỊ OANH\*

**TÓM TẮT:** Nghiên cứu này phân tích Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5 (bộ Cánh Diều) dưới góc nhìn diễn ngôn đa phương thức nhằm làm rõ cách các phương thức chữ viết, hình ảnh, màu sắc, bố cục và kí hiệu được huy động để kiến tạo nghĩa. Dựa trên khung lí thuyết của Kress & van Leeuwen và phương pháp phân tích định tính, kết quả cho thấy SGK vận hành như một hệ thống kí hiệu thống nhất, trong đó ngôn ngữ đóng vai trò trung tâm, còn hình minh họa, màu sắc và bố cục đảm nhiệm chức năng định hướng, giảm tải nhận thức và hỗ trợ cảm xúc người học. Thiết kế đa phương thức góp phần phát triển năng lực đọc hiểu đa kênh, tăng động lực học tập và phù hợp với đặc điểm tâm lí của học sinh tiểu học. Nghiên cứu khẳng định giá trị sự phạm của thiết kế đa phương thức và đề xuất giáo viên khai thác hiệu quả hơn các yếu tố thị giác, đồng thời khuyến nghị nhóm biên soạn SGK cân đối hài hòa tỉ lệ chữ - hình và tăng cường tính trực quan trong những bài học mang tính trừu tượng.

**TỪ KHÓA:** diễn ngôn; đa phương thức; Tiếng Việt lớp 5 (bộ Cánh Diều); ngữ pháp thị giác; kiến tạo nghĩa.

**NHẬN BÀI:** 07/11/2025.

**BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 09/01/2026

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục hiện nay, hoạt động dạy và học ngôn ngữ không còn giới hạn ở việc tiếp nhận các văn bản thuần túy bằng chữ viết, mà được mở rộng sang nhiều phương thức biểu đạt khác như hình ảnh, màu sắc, bố cục và các kí hiệu trực quan. Sự tương tác giữa các phương thức này tạo nên một chỉnh thể diễn ngôn đa tầng, giúp người học không chỉ tiếp nhận thông tin mà còn kiến tạo và diễn giải ý nghĩa một cách sâu sắc hơn. Trên cơ sở đó, lí thuyết phân tích diễn ngôn đa phương thức (Multimodal Discourse Analysis) - được phát triển bởi các học giả như Kress và van Leeuwen - ngày càng khẳng định vai trò quan trọng và được ứng dụng rộng rãi, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục tiểu học, nơi hình ảnh và yếu tố trực quan giữ vai trò then chốt trong hoạt động học tập của trẻ.

Tiếng Việt giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành và phát triển năng lực tư duy, giao tiếp cũng như bản sắc văn hoá của học sinh. Thông qua việc học tiếng Việt, học sinh không chỉ tiếp cận hệ thống ngôn ngữ một cách bài bản mà còn hiểu sâu sắc hơn những giá trị văn hoá - xã hội của cộng đồng dân tộc. Việc sử dụng và rèn luyện tiếng Việt giúp các em phát triển năng lực giao tiếp, khả năng tư duy logic và sáng tạo, đồng thời tạo tiền đề quan trọng cho việc tiếp thu các lĩnh vực học tập khác. Bên cạnh đó, năng lực tiếng mẹ đẻ vững chắc còn hỗ trợ tích cực cho việc học các ngoại ngữ trong tương lai, góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện của học sinh trong học tập và đời sống.

Việc duy trì và củng cố vị trí của môn Tiếng Việt trong giáo dục tiểu học không chỉ có ý nghĩa trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ của học sinh mà còn góp phần bảo tồn và tiếp nối các giá trị văn hóa - đạo đức truyền thống của dân tộc. Đồng thời, quá trình này tạo dựng nền tảng quan trọng cho sự hình thành và phát triển nhân cách, nâng cao năng lực giao tiếp, cũng như hỗ trợ người học thích ứng hiệu quả với yêu cầu của đời sống xã hội hiện đại.

Có thể thấy sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5 - bậc học cuối cùng của cấp tiểu học - giữ vai trò quan trọng trong việc củng cố và hoàn thiện các kĩ năng ngôn ngữ cơ bản cho học sinh, đồng thời tạo nền tảng cần thiết để các em chuyển tiếp sang bậc trung học. Bên cạnh việc truyền đạt kiến thức tiếng Việt, sách giáo khoa còn tích hợp các giá trị văn hóa, đạo đức và kĩ năng sống nhằm hỗ trợ sự phát triển toàn diện của người học. Đáng chú ý, SGK hiện hành thể hiện rõ xu hướng thiết kế ngữ liệu theo hướng đa phương thức, trong đó văn bản chữ viết được kết hợp với hệ thống hình ảnh minh họa,

\*Trường Đại học Hà Nội; Email: oanhlt@hanu.edu.vn

bố cục trực quan, màu sắc nhấn mạnh và các kí hiệu hướng dẫn, qua đó góp phần định hướng hoạt động đọc - hiểu của học sinh.

Việc tiếp cận sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5 từ góc độ phân tích diễn ngôn đa phương thức sẽ không chỉ giúp làm rõ đặc điểm tổ chức ngữ liệu trong sách, mà còn mở ra những cách tiếp cận mới về hiệu quả của việc kết hợp các kênh kí hiệu khác nhau trong dạy học. Tiếp cận này không chỉ cho phép làm rõ cơ chế tạo nghĩa giữa văn bản chữ viết và các phương thức kí hiệu phi ngôn ngữ, mà còn góp phần đánh giá mức độ phù hợp của thiết kế ngữ liệu đối với đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học. Trên cơ sở đó, nghiên cứu hướng đến việc mô tả, phân tích và lí giải đặc điểm tổ chức đa phương thức trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5 cũng như làm sáng tỏ vai trò của các yếu tố hình ảnh, màu sắc, bố cục và kí hiệu trong hoạt động dạy - học.

## **2. Cơ sở lý thuyết**

### **2.1. Khái niệm diễn ngôn và diễn ngôn đa phương thức**

*Diễn ngôn (discourse)* không chỉ được hiểu là ngôn ngữ ở dạng văn bản hay lời nói, mà còn bao gồm toàn bộ ngữ cảnh giao tiếp trong đó ngôn ngữ được vận hành để kiến tạo ý nghĩa. Theo Halliday (1978), diễn ngôn luôn gắn liền với ngữ cảnh tình huống và chức năng xã hội - giao tiếp của phát ngôn; nghĩa được hình thành thông qua mối quan hệ giữa văn bản và ngữ cảnh sử dụng.

*Diễn ngôn đa phương thức (multimodal discourse)* là loại hình diễn ngôn được kiến tạo không chỉ bằng ngôn ngữ mà còn thông qua sự phối hợp của nhiều phương thức kí hiệu (semiotic modes) như hình ảnh, màu sắc, bố cục, âm thanh, cử chỉ và các yếu tố trực quan khác (Kress & van Leeuwen, 1996, 2001). Mỗi phương thức mang một tiềm năng tạo nghĩa riêng, đồng thời tương tác với nhau để cấu thành chỉnh thể thông tin mà người học tiếp nhận.

Từ góc độ này, sách giáo khoa (SGK) không đơn thuần là văn bản chữ viết, mà là một dạng diễn ngôn đa phương thức kết hợp chữ - hình - màu sắc - kí hiệu nhằm hỗ trợ việc kiến tạo nghĩa, định hướng hoạt động đọc - hiểu và nâng cao hiệu quả học tập của học sinh.

### **2.2. Các phương thức kí hiệu chủ yếu trong phân tích diễn ngôn đa phương thức**

Theo Kress và van Leeuwen (2001), một văn bản đa phương thức được cấu thành từ nhiều phương thức kí hiệu (semiotic modes), trong đó mỗi phương thức đảm nhận một vai trò tạo nghĩa riêng. Các phương thức thường gặp trong sách giáo khoa bao gồm:

*Ngôn ngữ (language)*: thể hiện thông tin khái niệm thông qua chữ viết, từ ngữ, câu và đoạn văn; là kênh truyền tải nội dung mang tính tuyên tính.

*Hình ảnh (image)*: cung cấp thông tin trực quan, hỗ trợ việc hình dung, minh họa hoặc mở rộng ngữ nghĩa của văn bản chữ viết; góp phần hình thành nghĩa biểu hiện (representational meaning).

*Màu sắc (colour)*: đóng vai trò nhấn mạnh, gợi cảm xúc, phân biệt nội dung và tổ chức không gian thị giác.

*Bố cục (layout)*: tổ chức mối quan hệ giữa chữ, hình, khoảng trắng và các yếu tố thị giác khác; quyết định cách người đọc định hướng và xử lí thông tin (compositional meaning).

*Kí hiệu, biểu tượng (symbol/sign)*: bao gồm các mũi tên, khung, số thứ tự, biểu tượng chức năng... giúp dẫn dắt hoạt động học tập, chỉ thị nhiệm vụ hoặc xác lập quan hệ giữa các phần tử trong trang sách.

Các phương thức này không tồn tại một cách tách biệt, mà luôn tương tác để tạo nên một chỉnh thể nghĩa (meaning-making ensemble), trong đó ý nghĩa được kiến tạo thông qua sự phối hợp của nhiều hệ thống kí hiệu cùng lúc thay vì chỉ dựa vào ngôn ngữ.

### **2.3. Khung ngữ pháp thị giác (Visual Grammar)**

Kress và van Leeuwen (1996) đề xuất khung phân tích “ngữ pháp thị giác” (visual grammar), trong đó ý nghĩa của hình ảnh được kiến tạo thông qua ba thành phần chính:

*Thành phần đại diện (representational meaning)*: mô tả cách hình ảnh tái hiện sự vật, sự việc hoặc các mối quan hệ giữa chúng. Thành phần này phản ánh nội dung khái niệm của hình ảnh, ví dụ như hành động, quá trình hay trạng thái mà nhân vật trong tranh thể hiện.

*Thành phần tương tác (interactive meaning)*: thể hiện mối quan hệ giữa hình ảnh và người xem thông qua các yếu tố như ánh mắt, khoảng cách, góc nhìn và mức độ trang trọng. Những lựa chọn này chi phối cách người đọc cảm nhận và tương tác với văn bản thị giác.

*Thành phần bố cục (compositional meaning)*: liên quan đến sự sắp xếp chữ, hình, màu sắc và các yếu tố trực quan trên trang giấy. Bố cục quyết định trọng tâm thông tin, mức độ nhấn mạnh, cũng như mối liên kết giữa các phần tử trong văn bản.

Khung ngữ pháp thị giác này đặc biệt hữu ích khi phân tích sách giáo khoa, nơi các yếu tố chữ và hình được tổ chức có chủ đích nhằm định hướng hoạt động quan sát, đọc - hiểu và kiến tạo nghĩa của học sinh.

### **3. Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng chính của nghiên cứu là sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5 (tập một và tập hai) - bộ Cánh Diều, một trong những bộ sách được sử dụng rộng rãi trong Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 và được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt năm 2024. Đây là bậc học cuối cùng của cấp tiểu học, nơi học sinh cần được củng cố và hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ cốt lõi trước khi chuyển tiếp lên trung học cơ sở.

Trong phạm vi của nghiên cứu, trọng tâm khảo sát được đặt vào các bài học thể hiện rõ đặc điểm đa phương thức như: bài đọc, bài luyện từ và câu, bài tập làm văn, phần minh họa hình ảnh, các mục “ghi nhớ”, cũng như những trang có sự kết hợp nổi bật giữa chữ viết - hình ảnh - màu sắc - kí hiệu.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

*Về nội dung*: Nghiên cứu tập trung phân tích sự phối hợp giữa các hệ thống kí hiệu (semiotic modes) gồm: ngôn ngữ, hình ảnh, màu sắc, bố cục và kí hiệu/ biểu tượng. Mục tiêu là làm rõ cơ chế kiến tạo nghĩa của các yếu tố này khi cùng xuất hiện trong một bài học của SGK Tiếng Việt lớp 5.

*Về không gian tư liệu*: Đề tài chỉ giới hạn trong hai tập SGK Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều. Nghiên cứu không mở rộng sang các bộ sách khác (Kết nối tri thức với cuộc sống, Chân trời sáng tạo...) hoặc sách bổ trợ, nhằm đảm bảo tính tập trung và độ sâu phân tích.

*Về thời gian*: Dữ liệu được thu thập và phân tích dựa trên phiên bản SGK Tiếng Việt lớp 5 (tập 1 và tập 2) - bộ Cánh Diều được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông năm 2024.

#### **3.3. Phương pháp và thủ pháp nghiên cứu**

Để trả lời các câu hỏi nghiên cứu về cách tổ chức đa phương thức trong SGK Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều, mức độ tương tác giữa các phương thức kí hiệu (chữ viết, hình ảnh, màu sắc, bố cục, kí hiệu), cũng như những lợi ích và hạn chế của việc khai thác đa phương thức trong dạy - học Tiếng Việt ở tiểu học, nghiên cứu này sử dụng các phương pháp sau:

- *Phân tích diễn ngôn đa phương thức (Multimodal Discourse Analysis - MDA)*: Đây là khung phương pháp chủ đạo của nghiên cứu, dựa trên cơ sở lí thuyết kí hiệu học xã hội của Halliday (1978) và hệ thống ngữ pháp thị giác của Kress & van Leeuwen (1996, 2001). Phương pháp này cho phép phân tích cách các phương thức kí hiệu khác nhau phối hợp để kiến tạo nghĩa trong sách giáo khoa, từ đó làm rõ cơ chế tổ chức ngữ liệu của bộ sách.

- *Phân tích định tính*: Nghiên cứu sử dụng mô hình mô tả - phân loại - diễn giải nhằm nhận diện các hiện tượng đa phương thức trong SGK, bao gồm: cách bố trí hình ảnh minh họa, mức độ nhấn mạnh bằng màu sắc, cách tổ chức bố cục trang sách và vai trò định hướng của các kí hiệu chức năng. Các dữ liệu được mã hóa theo nhóm hiện tượng để tìm ra mô hình tổ chức đặc trưng.

- *So sánh*: Phương pháp này được sử dụng nhằm xem xét các bài học khác nhau trong cùng bộ SGK, qua đó phát hiện điểm chung và điểm riêng trong cách tổ chức đa phương thức của từng dạng bài (bài đọc, luyện từ và câu, tập làm văn, phần “ghi nhớ”...). Việc so sánh giúp nhận diện tính nhất quán hoặc thay đổi trong chiến lược thiết kế ngữ liệu.

- *Minh họa ngữ liệu*: Trong quá trình phân tích, nghiên cứu trích dẫn trực tiếp các ví dụ từ SGK và sử dụng hình ảnh minh họa (khi cần thiết) nhằm làm rõ luận điểm. Việc sử dụng minh chứng trực quan giúp tăng tính thuyết phục và đảm bảo tính xác thực của phân tích.

**4. Kết quả và thảo luận**

**4.1. Khái quát về ngữ liệu khảo sát**

Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều (năm 2024) gồm hai tập: tập một gồm 144 trang và tập hai gồm 132 trang. Toàn bộ ngữ liệu được tổ chức thành bốn chủ đề lớn: “Măng non”, “Cộng đồng” (tập một), “Đất nước” và “Ngôi nhà chung” (tập hai). Mỗi chủ đề được triển khai qua các chủ điểm nhỏ và được cấu trúc thành các bài học chính; kết thúc mỗi chủ đề đều có một bài ôn tập giữa hoặc cuối học kì. Trong tổng số 19 bài học, sách có 15 bài học chính và 4 bài ôn tập, phân bổ đều cho hai học kì.

Mỗi bài học được thiết kế theo quy trình sư phạm quen thuộc: Chia sẻ (khởi động) → Khám phá → Luyện tập → Vận dụng → Tự đánh giá. Trong các bước này, các hoạt động đọc, viết, nói và nghe được lồng ghép một cách linh hoạt nhằm phát triển toàn diện năng lực ngôn ngữ cho học sinh. Bên cạnh trục nội dung chính, sách còn bao gồm các phân môn quan trọng như Luyện từ và câu, Tập làm văn, kĩ năng tra từ điển và khai thác công cụ học tập. Ngoài ra, phần “Góc sáng tạo” được thiết kế nhằm khuyến khích học sinh vận dụng kiến thức, mở rộng khả năng diễn đạt và phát huy tư duy sáng tạo.

SGK Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều cũng thể hiện rõ định hướng phân hóa trong dạy học với hai phần: phần cứng (yêu cầu bắt buộc, thống nhất trên toàn quốc) và phần mềm (hoạt động lựa chọn, phù hợp với điều kiện vùng miền). Cách thiết kế này giúp giáo viên có thể điều chỉnh mức độ và phương thức tổ chức hoạt động học tập tùy theo đặc điểm của lớp học.

**4.2. Phân tích diễn ngôn đa phương thức SGK Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều**

Phân tích diễn ngôn đa phương thức các bài học trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều cho phép nhận diện cách thức phối hợp giữa các phương thức kí hiệu, bao gồm ngôn ngữ (văn bản) và các phương thức phi ngôn ngữ như hình ảnh, màu sắc, bố cục và kí hiệu chức năng. Sự kết hợp này tạo nên cơ chế kiến tạo nghĩa đa tầng, góp phần nâng cao hiệu quả tiếp nhận thông tin và hỗ trợ quá trình đọc – hiểu của học sinh tiểu học. Dựa trên cơ sở đó, phần dưới đây trình bày kết quả khảo sát tổng quan về hệ thống bài học và các bài ôn tập của hai tập SGK Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều, làm nền tảng cho các phân tích chi tiết ở các mục tiếp theo.

*Bảng: Phân tích diễn ngôn đa phương thức khái quát SGK Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều*

| Thành tố | Biểu hiện trong SGK                                                                                            | Chức năng                                                                                      | Ví dụ                                                                                                                                 |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngôn ngữ | Văn bản bài đọc; câu hỏi thảo luận; phần hướng dẫn; tên bài; thơ – văn bản ngắn; lời dẫn; gợi ý trong bài tập. | Truyền tải nội dung trọng tâm; giải thích, gợi mở tư duy; định hướng hoạt động học tập.        | Bài đọc <i>Chuyện một người thầy</i> ; tiêu đề bài đọc in đỏ; các câu lệnh như “Trao đổi”, “Luyện tập”, “Vận dụng”...                 |
| Hình ảnh | Tranh minh họa chủ đề; hình ảnh nhân vật; cảnh vật; hình minh họa nội dung bài đọc; sơ đồ tư duy.              | Hỗ trợ kiến tạo ngữ cảnh; minh họa ý tưởng; tăng khả năng hiểu nội dung; tạo hứng thú học tập. | Tranh minh họa 4 chủ đề; hình mẹ bế con trong bài thơ “Khi bé Hoa ra đời...”; tranh minh họa trong bài <i>Chuyện một người thầy</i> . |
| Bố cục   | Sự sắp xếp chữ – hình – khoảng trắng; vị trí tiêu đề; cấu trúc trang bài học; phân chia mục.                   | Điều hướng ánh nhìn; tạo mạch đọc hợp lí; giúp ghi nhớ thông tin; phân tầng nội dung.          | Các mục được bố trí rõ ràng: “Chia sẻ”, “Khám phá”, “Luyện tập”, “Vận dụng”, “Tự đánh giá” kèm biểu tượng minh họa.                   |
| Màu sắc  | Màu nền trắng hoặc vàng nhạt; màu chữ đỏ - đen - xanh; màu nhấn                                                | Thu hút chú ý; phân loại kiến thức; làm nổi bật thông tin quan                                 | Tiêu đề in màu đỏ; đề mục in xanh; nội dung chính in đen; từ khóa tô đậm hoặc đổi màu.                                                |

|                           |                                                                                                      |                                                                                          |                                                                                                                      |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | mạnh từ khóa hoặc đề mục.                                                                            | trọng; hỗ trợ ghi nhớ.                                                                   |                                                                                                                      |
| <b>Kí hiệu/biểu tượng</b> | Khoảng 10 loại kí hiệu: dấu hỏi, dấu hai chấm, dấu tích; biểu tượng hoạt động (đọc, viết, trao đổi). | Hướng dẫn hoạt động học tập; tạo tín hiệu trực quan; hỗ trợ học sinh nhận biết nhiệm vụ. | Dấu hỏi trong hình oval nền xanh (câu hỏi); dấu hai chấm nền xanh (chú giải); dấu tích nền xanh dương (tự đánh giá). |

Nghiên cứu cho thấy SGK Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều sử dụng phối hợp năm phương thức kí hiệu chủ đạo: ngôn ngữ, hình ảnh, màu sắc, bố cục và hệ thống kí hiệu chức năng. Phương thức ngôn ngữ được thể hiện qua văn bản bài đọc, câu hỏi, hướng dẫn và các đề mục, giữ vai trò truyền tải nội dung cốt lõi và định hướng tư duy. Hình ảnh được sử dụng nhất quán trong toàn bộ sách, gồm tranh minh họa chủ đề, hình nhân vật và sơ đồ tư duy, nhằm kiến tạo ngữ cảnh học tập và hỗ trợ học sinh hiểu sâu nội dung. Bố cục trang sách được tổ chức rõ ràng theo các mục như “Chia sẻ”, “Khám phá”, “Luyện tập”, “Vận dụng”,... trong đó chữ viết và hình ảnh được sắp xếp hợp lí để dẫn dắt hành trình tiếp nhận thông tin. Màu sắc như đỏ, xanh, đen được vận dụng có chủ đích để phân biệt đề mục, làm nổi bật thông tin hoặc nhấn mạnh từ khóa. Bên cạnh đó, hệ thống kí hiệu với khoảng mười biểu tượng khác nhau (dấu hỏi, dấu hai chấm, dấu tích, biểu tượng đọc - viết) đóng vai trò hướng dẫn các nhiệm vụ học tập, giúp học sinh dễ dàng nhận biết yêu cầu của từng hoạt động. Sự phối hợp đồng bộ của các phương thức này góp phần tạo nên tính đa phương thức đặc trưng của bộ sách và nâng cao hiệu quả dạy - học Tiếng Việt ở lớp 5.

Qua khảo sát SGK Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều, có thể thấy các phương thức kí hiệu được phối hợp chặt chẽ để kiến tạo nghĩa và nâng cao hiệu quả tiếp nhận của học sinh. Trước hết, mối quan hệ giữa chữ viết và hình ảnh được thể hiện rõ qua sự phân công chức năng: chữ viết đảm nhiệm nội dung thông tin cốt lõi, trong khi hình minh họa hỗ trợ mô tả, gợi mở ngữ cảnh và tạo cảm xúc tiếp nhận. Chẳng hạn, ở bài “Cánh chim hòa bình”, hình ảnh chim bồ câu được đặt cạnh văn bản nhằm nhấn mạnh biểu tượng hòa bình và củng cố tầng nghĩa biểu trưng của bài học.

Bên cạnh các phương thức ngôn ngữ - hình ảnh, bố cục, màu sắc và hệ thống biểu tượng góp phần hình thành luồng dẫn dắt thị giác rõ ràng, tương thích với quá trình học tập theo trình tự: quan sát → đọc → trả lời → thảo luận → vận dụng. Màu sắc nổi bật được sử dụng để nhấn mạnh các nhiệm vụ trọng tâm như “Ghi nhớ”, “Chú ý”, “Lưu ý”, trong khi gam màu nhẹ nhàng và hình ảnh tươi sáng tạo nên cảm xúc tích cực, hỗ trợ sự tập trung và hứng thú của người học. Đối với các văn bản dân gian, phần minh họa còn mang tính văn hóa, tạo điều kiện để học sinh “nhập vai” vào không gian nghệ thuật của câu chuyện.

Sự gắn kết giữa các phương thức được thể hiện qua bố cục trang sách mạch lạc, hạn chế sự phân tán giữa chữ, hình và các hoạt động học tập. Hình ảnh thường được đặt trước văn bản như một dạng “gợi mở trước” (pre-reading cue), giúp học sinh dự đoán nội dung và kích hoạt kiến thức nền. Ngoài ra, cấu trúc đa phương thức của SGK còn tạo điều kiện hỗ trợ các phong cách học tập khác nhau: học sinh thiên về thị giác tiếp nhận tốt qua hình ảnh; học sinh thiên về ngôn ngữ hiểu sâu thông qua văn bản; trong khi các em có thiên hướng vận động hoặc tương tác xã hội được hỗ trợ thông qua các hoạt động nhóm và bài tập định hướng bằng biểu tượng.

Tóm lại, cách tổ chức đa phương thức trong SGK Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều góp phần tạo ra môi trường học tập linh hoạt, hấp dẫn và phù hợp với sự đa dạng của người học, đồng thời thể hiện xu hướng thiết kế sách giáo khoa hiện đại dựa trên quan điểm kí hiệu học xã hội.

*Ví dụ 1:* Bảng phân tích diễn ngôn đa phương thức cho Bài 1 - Chủ đề *Măng non* (tr.4-17), SGK Tiếng Việt 5 - bộ Cánh Diều, tập 1.

| Thành tố đa phương thức | Biểu hiện trong Bài 1 (tr. 4-17) | Chức năng tạo nghĩa (theo Kress & van Leeuwen) | Nhận xét phân tích |
|-------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|
|-------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|

|                                                                      |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                   |
|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Ngôn ngữ<br/>(Language)</b>                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên chủ đề “Măng non”</li> <li>- Tên bài đọc, các đoạn văn, thơ</li> <li>- Câu hỏi, hướng dẫn, bài tập</li> <li>- Mục “Ghi nhớ”, “Luyện tập”, “Vận dụng”</li> </ul>           | <i>Representational meaning:</i> truyền tải nội dung cốt lõi<br><i>Interactive meaning:</i> tương tác với người học qua câu hỏi, mời gọi suy nghĩ<br><i>Compositional meaning:</i> kết nối các phần của bài học | Ngôn ngữ được tổ chức mạch lạc, có tính gợi mở. Câu lệnh ngắn, rõ ràng giúp học sinh dễ tiếp cận. Các mục “Chia sẻ - Khám phá - Luyện tập - Vận dụng” tạo mạch học tập liền mạch. |
| <b>2. Hình ảnh minh họa<br/>(Images)</b>                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tranh mở đầu chủ đề: hình măng non, cây tre, thiếu nhi - Hình minh họa nội dung bài đọc - Hình hoạt động cho mục “Góc sáng tạo”, “Chia sẻ”</li> </ul>                         | <i>Representational:</i> tái hiện thế giới trẻ thơ, thiên nhiên<br><i>Interactive:</i> tạo cảm xúc gần gũi, lôi cuốn<br><i>Compositional:</i> hỗ trợ cho nội dung chữ                                           | Hình ảnh đóng vai trò khởi tạo cảm hứng (engagement), gợi ý chủ đề trước khi đọc. Minh họa nhất quán màu sắc tươi sáng, phù hợp lứa tuổi.                                         |
| <b>3. Màu sắc<br/>(Colour)</b>                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu đề bài dùng màu đỏ</li> <li>- Đề mục dùng màu xanh</li> <li>- Nội dung chính dùng màu đen - Các phần quan trọng có màu nhấn (ghi nhớ, chú ý)</li> </ul>                  | <i>Compositional meaning:</i> phân cấp thông tin<br><i>Interactive meaning:</i> tạo điểm nhấn trực quan                                                                                                         | Màu sắc góp phần định hướng mắt đọc: đỏ (quan trọng), xanh (phân mục), đen (nội dung). Màu nền trang nhẹ, tạo cảm giác thân thiện, dễ quan sát.                                   |
| <b>4. Bố cục trang sách<br/>(Layout)</b>                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình đặt trước văn bản để tạo ngữ cảnh - Văn bản chia đoạn rõ ràng - Khoảng trắng rộng để tránh rối mắt - Các khối nội dung tách rõ: bài đọc - bài tập - hoạt động</li> </ul> | <i>Compositional meaning:</i> xác lập thứ bậc thông tin, điều hướng người đọc<br><i>Interactive:</i> dẫn dắt trình tự học tập                                                                                   | Bố cục theo dạng khối (modular layout) giúp học sinh đọc theo trình tự: xem tranh → đọc bài → trả lời → luyện tập → vận dụng. Rõ ràng, logic, dễ theo dõi.                        |
| <b>5. Kí hiệu / Biểu tượng<br/>(Icons)</b>                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biểu tượng câu hỏi (dấu ?) cho bài tập - Biểu tượng chú giải (dấu :) - Biểu tượng tự đánh giá (dấu ✓) - Biểu tượng đọc – viết – trao đổi</li> </ul>                           | <i>Interactive meaning:</i> chỉ rõ hành động cần thực hiện<br><i>Compositional:</i> phân loại nhiệm vụ                                                                                                          | Biểu tượng trực quan hóa nhiệm vụ học tập, giúp học sinh nhận biết nhanh yêu cầu mà không cần đọc dài. Tăng khả năng tự học và tính chủ động.                                     |
| <b>6. Sự phối hợp các phương thức<br/>(Multimodal orchestration)</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ + hình kết hợp trong khung “Khám phá”</li> <li>- Màu sắc + biểu tượng làm nổi bật nhiệm vụ - Hình ảnh + bố cục dẫn dắt hoạt động</li> </ul>                               | <i>Meaning-making ensemble:</i> các phương thức không tồn tại riêng lẻ mà hỗ trợ lẫn nhau tạo nghĩa                                                                                                             | Bài 1 thể hiện sự nhất quán cao: hình ảnh mở chủ đề → văn bản chính sâu sắc → bài tập kết nối → hoạt động sáng tạo. Tổng thể tạo trải nghiệm vừa trí tuệ vừa cảm xúc.             |

Bảng phân tích trên cho thấy các phương thức ngôn ngữ và phi ngôn ngữ không tồn tại độc lập mà được tổ chức có chủ đích để hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình kiến tạo nghĩa. Đây cũng chính là xu hướng thiết kế sách giáo khoa hiện đại, phù hợp với lý thuyết kí hiệu học xã hội của Kress & van Leeuwen (1996, 2001).

Ví dụ 2: Bảng phân tích diễn ngôn đa phương thức cho Bài 5 - Ôn tập giữa học kỳ I (tr.67-73), SGK Tiếng Việt 5 - bộ Cánh Diều, tập 1.

| Thành tố đa phương thức               | Biểu hiện trong Bài 5 (tr. 67–73)                                                                                                                                                                                                                    | Chức năng tạo nghĩa (theo Visual Grammar)                                                                                                                                 | Nhận xét phân tích                                                                                                                         |
|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Ngôn ngữ (Language)</b>         | - Hệ thống bài tập ôn tập (đọc - viết - từ ngữ - câu) - Câu lệnh rõ ràng, dạng mệnh lệnh: “ <i>Đọc lại bài...</i> ”, “ <i>Nêu nội dung...</i> ”, “ <i>Viết tiếp đoạn...</i> ”, “ <i>Hoàn chỉnh bảng...</i> ” - Mục tiêu ôn tập được nêu rõ ở đầu bài | <i>Representational</i> : tổng hợp kiến thức đã học <i>Interactive</i> : định hướng hành động qua câu lệnh rõ ràng <i>Compositional</i> : liên kết các phần việc          | Ngôn ngữ trong bài ôn tập được rút gọn, trực tiếp, tập trung vào nhiệm vụ. Các yêu cầu không dài, phù hợp việc kích hoạt lại kiến thức cũ. |
| <b>2. Hình ảnh (Images)</b>           | - Minh họa tình huống cho bài tập (trẻ em học bài, cảnh sinh hoạt...) - Một số hình gợi ý trong bài tập sắp xếp hoặc phân loại thông tin                                                                                                             | <i>Representational</i> : tạo bối cảnh ôn tập <i>Interactive</i> : giảm áp lực, tạo cảm giác thân thiện <i>Compositional</i> : liên kết giữa yêu cầu và hoạt động học tập | Hình ảnh đơn giản, ít chi tiết, mang tính hỗ trợ hơn là cung cấp thông tin mới; phù hợp với mục tiêu “ôn tập - củng cố”.                   |
| <b>3. Màu sắc (Colour)</b>            | - Tiêu đề màu đỏ - Đề mục hoạt động màu xanh - Khung bài tập có màu nhấn nhẹ - Một số từ khóa được in đậm hoặc thay màu                                                                                                                              | <i>Compositional</i> : phân cấp nội dung <i>Interactive</i> : thu hút sự chú ý ở nhiệm vụ trọng tâm                                                                       | Màu sắc trong bài ôn tập được tiết chế hơn so với bài học mới, giúp học sinh tập trung vào nội dung cần kiểm tra.                          |
| <b>4. Bố cục (Layout)</b>             | - Bố cục dạng khối: mỗi bài tập là một mục riêng - Các phần “ <i>Đọc - Viết - Từ ngữ - Câu</i> ” được tách rõ ràng - Khoảng trắng nhiều tạo không gian quan sát - ghi chép                                                                           | <i>Compositional</i> : tổ chức nội dung theo nhóm kĩ năng <i>Interactive</i> : dẫn dắt trình tự làm bài                                                                   | Bố cục rõ ràng là ưu điểm nổi bật: học sinh dễ tìm phần, giáo viên dễ tổ chức kiểm tra - đánh giá.                                         |
| <b>5. Kí hiệu/ Biểu tượng (Icons)</b> | - Biểu tượng câu hỏi (?) cho bài tập - Biểu tượng ghi chú - Dấu mũi tên cho bài tập nối - Khung liệt kê có biểu tượng minh họa                                                                                                                       | <i>Interactive</i> : định hướng hành động học tập <i>Compositional</i> : phân loại nhiệm vụ                                                                               | Biểu tượng giúp học sinh nhận diện nhanh yêu cầu mà không phải đọc nhiều lần → <i>tăng tốc độ xử lí thông tin</i> .                        |
| <b>6. Sự phối hợp các phương thức</b> | - Ngôn ngữ + màu sắc: nhấn mạnh từng nhóm bài tập - Ngôn ngữ + biểu tượng: nhận diện hoạt động - Bố cục + hình ảnh: tạo dòng chảy ôn tập mạch lạc                                                                                                    | <i>Meaning-making ensemble</i> : phối hợp để hỗ trợ ôn tập hiệu quả                                                                                                       | Tính “đa phương thức tối giản” thể hiện rõ: hình ảnh - màu sắc - kí hiệu phục vụ mục tiêu củng cố kiến thức, không gây nhiễu nhận thức.    |

Qua bảng phân tích có thể thấy Bài 5 - Ôn tập giữa học kỳ I khai thác đa phương thức một cách hiệu quả và phù hợp với mục tiêu củng cố kiến thức. Trước hết, mức độ đa phương thức được sử dụng có chủ đích và vừa phải, góp phần hỗ trợ hệ thống hóa kiến thức mà không tạo gánh nặng thị giác cho học sinh. Ngôn ngữ trong bài giữ vai trò định hướng rõ rệt, thông qua các câu lệnh ngắn gọn giúp học sinh nhanh chóng nhận diện nhiệm vụ cần thực hiện. Hình ảnh tuy xuất hiện với tần suất không nhiều nhưng có tính gợi mở, tạo cảm giác nhẹ nhàng và giảm áp lực trong quá trình ôn tập.

Bố cục bài học được tổ chức theo nhóm kĩ năng (đọc - viết - từ ngữ - câu), giúp giáo viên thuận tiện trong đánh giá và học sinh dễ dàng theo dõi tiến trình học tập. Bên cạnh đó, hệ thống kí hiệu được sử dụng để trực quan hóa yêu cầu của từng nhiệm vụ, tăng cường khả năng tự học và tính chủ động của học sinh. Các phương thức kí hiệu phối hợp với nhau một cách nhất quán, nhấn mạnh chức năng kiểm tra - đánh giá thay vì giới thiệu kiến thức mới.

Có thể nói, bài 5 thể hiện một dạng đa phương thức tinh gọn, tập trung vào mục tiêu tổng hợp và củng cố kiến thức. Nhờ vậy, bài ôn tập bị không khô khan mà vẫn giữ được tính sinh động, trực quan, tạo điều kiện để học sinh đọc - hiểu, suy luận và thực hành viết một cách tự nhiên và hiệu quả.

#### **4.3. Đặc điểm chung của SGK Tiếng Việt 5 - bộ Cánh Diều dưới góc nhìn phân tích diễn ngôn đa phương thức**

Dưới góc nhìn phân tích diễn ngôn đa phương thức, SGK Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều thể hiện một cấu trúc thiết kế mang tính hệ thống, trong đó các phương thức chữ viết, hình ảnh, màu sắc, bố cục và kí hiệu được huy động đồng thời nhằm kiến tạo nghĩa và điều hướng hoạt động học tập. Thành tố ngôn ngữ giữ vai trò trung tâm với hệ thống văn bản đọc đa dạng thể loại (tự sự, kí, thơ, văn bản nghị luận) kết hợp cùng chuỗi câu hỏi, bài tập và hướng dẫn. Sách được tổ chức theo mô hình sơ phạm Khởi động - Khám phá - Luyện tập - Vận dụng - Đọc mở rộng; đồng thời sử dụng sự phân tầng về kích cỡ chữ để phân biệt tiêu đề, tiêu mục, chú thích và gợi ý, qua đó hình thành cấu trúc tuyến tính hỗ trợ tiếp nhận thông tin.

Phương thức hình ảnh được triển khai phong phú qua nhiều dạng thức như ảnh chụp, tranh vẽ, nhân vật hoạt hình, bản đồ và sơ đồ tư duy. Các hình minh họa không chỉ đóng vai trò hỗ trợ thị giác mà còn góp phần định hình ngữ cảnh tiếp nhận, xây dựng tình huống học tập và kích hoạt kiến thức nền của học sinh. Màu sắc được sử dụng có chủ đích với sự đối lập chức năng giữa tông nền nhạt giảm tải nhận thức ở các phần kiến thức trọng tâm và gam màu nổi dùng để nhấn mạnh tiêu đề, ô ghi nhớ hoặc các mục quan trọng. Sự phân mảng màu sắc này tạo ranh giới trực quan giúp học sinh dễ dàng nhận diện các nhóm hoạt động như Đọc, Viết, Nói và Nghe.

Về bố cục, trang sách được tổ chức theo dạng các khối thông tin, bao gồm khối văn bản, khối hình ảnh và khối nhiệm vụ học tập. Nội dung trọng tâm thường được đặt ở vị trí trung tâm hoặc bên trái, trong khi các thông tin mở rộng như “Em có biết?” được bố trí bên phải nhằm thể hiện sự phân tầng chức năng. Việc sử dụng khoảng trắng có tính toán góp phần tối ưu hóa năng lực xử lí thông tin và tăng tính mạch lạc cho bố cục.

Một đặc điểm nổi bật là hệ thống kí hiệu và biểu tượng, cụ thể là sách có 10 loại kí hiệu/ biểu tượng được thiết kế chuyên biệt cho từng nhóm nhiệm vụ học tập và sử dụng xuyên suốt toàn bộ sách. Các biểu tượng này đóng vai trò như “bản đồ định hướng”, giúp học sinh nhanh chóng nhận diện loại hoạt động cần thực hiện và cách thức thao tác. Chúng hoạt động như một cơ chế siêu ngôn ngữ (metalinguistic mechanism), rút ngắn thời gian nhận diện nhiệm vụ, tăng tính trực quan và hỗ trợ sự tự chủ trong học tập.

Nhờ sự phối hợp nhịp nhàng giữa chữ viết, hình ảnh, màu sắc, bố cục và kí hiệu/ biểu tượng, mỗi trang sách trở thành một không gian học tập nhiều tầng nghĩa, nơi học sinh không chỉ “đọc chữ” mà còn “đọc hình ảnh”, “đọc màu sắc” và “đọc cấu trúc trình bày” để kiến tạo hiểu biết một cách toàn diện. Tổng thể, cấu trúc đa phương thức của SGK Tiếng Việt 5 - bộ Cánh Diều phản ánh xu hướng thiết kế sách giáo khoa hiện đại, trong đó việc huy động nhiều phương thức kí hiệu được sử dụng như một chiến lược sơ phạm nhằm nâng cao hiệu quả tiếp nhận, giảm tải nhận thức và thúc đẩy sự tham gia tích cực của người học.

## 5. Kết luận

Trong SGK Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều, các yếu tố đa phương thức phối hợp với nhau theo những cơ chế đặc thù nhằm kiến tạo nghĩa và tối ưu hóa quá trình tiếp nhận của người học. Giữa văn bản ngôn từ và hình ảnh tồn tại mối quan hệ bổ trợ, trong đó chữ viết đảm nhiệm vai trò cung cấp thông tin cốt lõi, còn hình minh họa mở rộng, cụ thể hóa hoặc khơi gợi chiều sâu cảm xúc cho nội dung, tiêu biểu như hình ảnh chim bồ câu trong bài “Cánh chim hòa bình” được sử dụng để nhấn mạnh trường nghĩa về hòa bình. Bên cạnh đó, yếu tố định hướng được thể hiện qua cách sử dụng biểu tượng, màu sắc và bố cục nhằm dẫn dắt tiến trình học tập theo trình tự logic từ quan sát đến đọc hiểu, trả lời câu hỏi, thảo luận và vận dụng; các mục trọng tâm thường được tô đậm hoặc làm nổi bật bằng màu sắc nhằm tăng cường khả năng nhận diện. Ở bình diện cảm xúc, hình ảnh tươi sáng và gam màu nhẹ tạo nên ý nghĩa cảm xúc, góp phần xây dựng tâm thế học tập tích cực; đối với các văn bản dân gian, minh họa còn tái hiện sắc thái văn hóa, giúp người học tiếp cận văn bản trong một bối cảnh giàu tính biểu trưng. Về mặt tổ chức thị giác, sự bố trí hợp lý giữa chữ viết, hình ảnh và nhiệm vụ học tập tạo nên tính mạch lạc của toàn bộ đơn vị bài học, đồng thời việc đặt hình minh họa trước văn bản thường tạo ra “tình huống dự báo”, hỗ trợ người học kích hoạt tri thức nền. Cuối cùng, thiết kế đa phương thức còn phản ánh sự đáp ứng đối với đa dạng phong cách học tập, khi người học thiên về thị giác, ngôn ngữ hay vận động đều có thể tiếp cận nội dung qua con đường phù hợp nhất. Những tương tác này cho thấy vai trò quan trọng của thiết kế đa phương thức trong việc hình thành kinh nghiệm học tập toàn diện và hiệu quả đối với học sinh tiểu học.

Việc sử dụng SGK Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều mang lại nhiều lợi ích rõ rệt cho học sinh lớp 5 trong quá trình học tập. Trước hết, học sinh được tăng cường năng lực đọc hiểu đa phương thức, không chỉ tiếp nhận thông tin qua chữ viết mà còn biết giải mã hình ảnh, kí hiệu và màu sắc - những yêu cầu phù hợp với định hướng phát triển năng lực trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đồng thời, các hình minh họa được sử dụng nhất quán giúp giảm tải nhận thức, hỗ trợ học sinh nhanh chóng hiểu được những nội dung trừu tượng hoặc khó hình dung. Những yếu tố thị giác sinh động này cũng góp phần tăng động lực học tập, tạo sự hứng thú và duy trì mức độ tập trung của người học. Đối với học sinh yếu hoặc chậm đọc, hình ảnh trở thành công cụ quan trọng, giúp các em dự đoán nội dung và nắm bắt ý chính trước khi tiếp cận văn bản dài. Bên cạnh đó, SGK còn thúc đẩy tính tương tác và khả năng sáng tạo, thể hiện qua các bài học yêu cầu quan sát tranh và kể lại câu chuyện, từ đó tạo điều kiện cho học sinh chủ động kiến tạo nghĩa dựa trên ngữ liệu trực quan.

Việc triển khai SGK Tiếng Việt lớp 5 - bộ Cánh Diều trong dạy học mang lại nhiều lợi ích đáng kể cho đội ngũ giáo viên. Hệ thống biểu tượng được thiết kế nhất quán trong SGK cho phép giáo viên nhận diện nhanh các kĩ thuật dạy học tương ứng, từ đó tổ chức hoạt động học tập một cách linh hoạt và hiệu quả hơn, chẳng hạn như thảo luận nhóm, quan sát hay đặt câu hỏi định hướng. Đồng thời, việc SGK tích hợp đầy đủ các minh họa trực quan phù hợp với nội dung bài học giúp giảm đáng kể thời gian chuẩn bị học liệu, qua đó tối ưu hóa công tác thiết kế bài giảng. Tính chất đa phương thức của SGK cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân hóa đối tượng học sinh: kênh hình hỗ trợ học sinh yếu hoặc chậm đọc trong quá trình tiếp nhận thông tin, trong khi hệ thống câu hỏi mở rộng cho phép giáo viên nâng cao mức độ yêu cầu đối với học sinh khá, giỏi. Bên cạnh đó, hình ảnh còn góp phần nâng cao hiệu quả diễn giải của giáo viên, đặc biệt trong việc giảng giải các khái niệm mang tính trừu tượng hoặc nghệ thuật như ẩn dụ hay chi tiết nghệ thuật, qua đó cải thiện chất lượng tiếp thu của người học.

Từ những phân tích trên, bài báo đề xuất giáo viên cần khai thác triệt để các thành tố đa phương thức trong SGK, kết hợp hài hòa kênh chữ và kênh hình trong giảng dạy để nâng cao tính tương tác và hỗ trợ phân hóa học sinh. Học sinh được khuyến khích phát triển thói quen đọc hiểu đa phương thức bằng cách kết hợp đọc văn bản với quan sát hình minh họa, kí hiệu và sơ đồ. Đối với nhóm biên soạn SGK, cần cân đối tỉ lệ chữ - hình - màu sắc, tăng cường yếu tố trực quan ở những bài học trừu tượng và tham khảo mô hình thiết kế học liệu quốc tế nhằm làm phong phú hơn trải nghiệm học tập.

Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng sang SGK các lớp khác hoặc đối chiếu với SGK quốc tế để làm rõ hơn xu hướng tổ chức diễn ngôn đa phương thức trong giáo dục ngôn ngữ tiểu học.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

##### Tiếng Việt

1. Nguyễn Lai (1998), *Ngôn ngữ và tư duy*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nunan D. (1997), *Dẫn nhập phân tích diễn ngôn*, Nxb Giáo dục, Nội.
3. Nguyễn Thị Hạnh (2021), *Dạy học Tiếng Việt theo chương trình giáo dục phổ thông mới*. NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dẫn luận ngôn ngữ học*. Nxb Giáo dục.
5. Nguyễn Hòa (2013), *Phân tích diễn ngôn (tái bản lần 3)*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

##### Tiếng Anh

6. Kress, G., & van Leeuwen, T. (1996/2006), *Reading Images: The Grammar of Visual Design*. Routledge.
7. Kress, G. (2010), *Multimodality: A Social Semiotic Approach to Contemporary Communication*. Routledge.
8. Jewitt, C. (Ed.). (2011), *The Routledge Handbook of Multimodal Analysis*. Routledge.
9. O'Halloran, K. L. (2004), *Multimodal Discourse Analysis*. Continuum.
10. Jewitt, C. (2008), Multimodality and literacy in school classrooms. *Review of Research in Education*, 32(1), 241-267.
11. Bezemer, J., & Kress, G. (2008), Writing in multimodal texts: A social semiotic account. *Written Communication*, 25(2), 166-195.
12. Serafini, F. (2014), *Reading the Visual: An Introduction to Teaching Multimodal Literacy*. Teachers College Press.

#### Vietnamese grade 5 textbook from a multimodal discourse analysis perspective:

##### An examination of the two-volume *Cánh Diều* series

**Abstract:** This study analyzes the Grade 5 Vietnamese Language Textbook (*Cánh Diều* Series) using Multimodal Discourse Analysis to examine how linguistic and visual modes are integrated to construct meaning. Drawing on Kress and van Leeuwen's Visual Grammar, the analysis shows that written text functions as the central mode, while images, colors, layout, and icons provide cognitive scaffolding and guide learners' engagement. The textbook's multimodal design enhances multi-channel reading comprehension and supports the cognitive and affective needs of primary learners. The study highlights the pedagogical value of multimodal resources and recommends greater use of visual elements by teachers, as well as improved text-image balance in textbook design.

**Key words:** discourse; multimodality; the Grade 5 Vietnamese Language Textbook (*Cánh Diều* Series); Visual Grammar; Meaning-making.